

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày: 13-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huế.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hà Văn Châu và bà Võ Thị Thơ**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lê Ngọc Mai Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bảo Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 30/5/2024 đối với các bị cáo

1. **NGUYỄN ĐẮC D**, sinh năm: 1994 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đắc T và bà Phan Thị N. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không có.

Tiền án:

+ Ngày 24/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 14 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Ngày 23/02/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án phải chấp hành là 23 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 01/10/2023.

2. **NGUYỄN MINH T1** (Tên gọi khác: Bi A), sinh ngày: 09/10/2000 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh L (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân H; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 14/7/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 13/11/2023.

Tiền sự:

+ Ngày 11/5/2023 bị Công an huyện N xử phạt tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 26/12/2023 bị Công an xã T xử phạt 2.000.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Cáo trạng số 27-CT-VKS ngày 06/5/2024.

Các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/3/2024 đến ngày 13/3/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N.

-Bị hại: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người làm chứng: Ông Tăng Quyết L1 – sinh năm: 1983 và bà Lê Thị V – sinh năm: 1984. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu:

Điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải gồm có: Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên; bị hại;

Điểm cầu thành phần là Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận gồm có: Các bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 06/3/2024, Nguyễn Đắc D1 điều khiển xe gắn máy biển số 85CA- 013.71 đi từ thôn P, xã P, huyện N để về nhà ở thôn T, xã T, huyện N. Khi đi qua nhà bà Lê Thị V ở thôn P, xã P, phát hiện thấy xe mô tô biển số 85C1-446.65 của bà Nguyễn Thị H1 để ở ngoài cổng nhà bà V không có ai trông coi nên D1 nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài. D1 điều khiển xe gắn máy đến nhà Nguyễn Minh T2 ở cùng thôn nhờ T2 chở mình đi đến nhà người quen ở P lấy xe về, T2 đồng ý. Lúc này T2 chưa biết D1 có ý định lấy trộm xe của bà H1. Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe gắn máy biển số 85CA- 013.71 chở D1 đến P, khi đi đến gần nhà bà V thì D1 kêu T2 dừng lại để

D1 đi bộ đến chỗ xe của bà H1. Lúc này, T2 biết được ý định lấy trộm xe của D1 nên đồng ý và đứng chờ. D1 đi bộ đến lên lút dắt xe mô tô biển số 85C1-446.65 của bà H1 đi đến chỗ T2 rồi ngồi lên xe mô tô vừa trộm được cầm lái để T2 điều khiển xe gắn máy đẩy về. Đến đoạn đường sau nhà máy X Tuấn dừng lại cho D1 bỏ biển số xe của bà H1 ném đi rồi tiếp tục đẩy xe về nhà D1 cất giấu. Khoảng 30 phút sau D1, T2 đấu điện xe mô tô trộm được của bà H1 nổ máy và cùng nhau đi xe ra khu vực dốc Lầu G, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, bán cho một người đàn ông lạ mặt không rõ tên tuổi, nhân thân, lai lịch địa chỉ cụ thể với số tiền 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Quá trình điều tra Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung trích xuất đoạn video tại Camera của hộ nhà ông Phạm Xuân T3 ở thôn P, xã P, huyện N ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của D1, T2 mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Tài sản bị trộm cắp là xe mô tô biển số 85C1- 446.65 của bà Nguyễn Thị H1 không thu hồi được. Ngoài ra, hiện nay T2 còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Xe mô tô biển số 85C1-446.65 trị giá là 12.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 15/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc D1 từ 15 đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 12 đến 15 tháng tù.

Phản dân sự: Các bị cáo đã thoả thuận để bị cáo D1 bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại 12.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Nguyễn Đắc D1 bồi thường cho bà H1 12.000.000 đồng.

- Đối với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua xe của Dinh cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

- Xe gắn máy biển số 85CA-013.71 mà D1 sử dụng làm phương tiện phạm tội là bị cáo mượn của anh Lê Quang H2. Anh H2 không biết mục đích sử dụng xe của D1 nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra.

Bị hại giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thời gian qua các bị cáo đã thấy có lỗi và ân hận về hành vi của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là bà Lê Thị V và ông Tăng Quyết L1 nhưng trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ, có yêu cầu xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293 của bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có căn cứ để xác định: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên khoảng 20 giờ 50 phút ngày 06/3/2024, Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 85C1-446.65 của bà Nguyễn Thị H1 trị giá 12.000.000 đồng ở thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này bị cáo D1 có 02 tiền án do đã bị đưa ra xét xử 02 lần về tội “Cố ý gây thương tích” và “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo T2 cũng có 01 tiền về tội “Trộm cắp tài sản” và đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” đang bị truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án này bị cáo D1 là người rủ rê bị cáo T2 thực hiện hành vi trộm cắp xe của bà H1 đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội còn bị cáo T2 là người giúp sức một cách tích cực cho bị cáo D1 để trộm cắp, bán tài sản trộm cắp lấy tiền cùng nhau tiêu xài.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại đã thoả thuận để mình bị cáo Nguyễn Đắc D1 bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại là 12.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm. Do hiện nay bị cáo D1 chưa thực hiện việc bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các bên và buộc bị cáo Nguyễn Đắc D1 bồi thường cho bà H1 số tiền 12.000.000 đồng.

- Đối với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua xe của Dinh cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

- Xe gắn máy biển số 85CA-013.71 mà D1 sử dụng làm phương tiện phạm tội là bị cáo mượn của anh Lê Quang H2. Anh H2 không biết mục đích sử dụng xe của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Minh T2 (Tên gọi khác: Bi A) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đắc D1 **15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2024.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Minh T2 (Tên gọi khác: Bi A) **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Đắc D1 với bị hại Nguyễn Thị H1.

Buộc bị cáo Nguyễn Đắc D1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Nguyễn Thị H1 là 12.000.000^d (*Mười hai triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đắc D1 và bị cáo Nguyễn Minh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại - quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Công an huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huế

